

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THỌ XUÂN
TỈNH THANH HOÁ**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 15/2020/HS-ST
Ngày 06 tháng 5 năm 2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỌ XUÂN, THANH HOÁ
Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên toà : Ông **Lê Đăng Tuấn**

Các hội thẩm nhân dân :

1/ Ông: **Lưu Minh Sửu**

2/ Bà: **Đỗ Thị Phương**

Thư ký ghi biên bản phiên toà: Bà **Cao Thị Bình** - Cán bộ Toà án nhân dân huyện Thọ Xuân.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thọ Xuân tham gia phiên toà, Bà: **Trần Thị Tĩnh** - Chức vụ: kiểm sát viên

Ngày 06 tháng 5 năm 2020 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thọ Xuân; xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 17/2020/HSST ngày 07 tháng 4 năm 2020.

Đối với các bị cáo:

1- **Lê Ngọc L** - Sinh năm 1981;

Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú: Thôn K, thị trấn S, huyện X, tỉnh Thanh Hoá;

Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hoá: lớp 1/12;

Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Đạo Thiên Chúa;

Tiền án, Tiền sự: Không;

Nhân thân: Ngày 20/10/2015, Lâm bị Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Thọ Xuân khởi tố bị can về hành vi Hiếp dâm theo Quyết định khởi tố bị can số 88. Ngày 10/12/2015, Viện kiểm sát nhân dân huyện Thọ Xuân ra Quyết định đình chỉ vụ án, bị can số 01, với lý do bị hại rút đơn yêu cầu. Ngày 17/12/2015, Lâm bị Công an huyện Thọ Xuân xử phạt hành chính về hành vi Xúc phạm danh dự nhân phẩm của người khác. Ngày 21/12/2015 Lâm đã chấp hành xong việc nộp phạt.

Con ông: Lê Ngọc C và bà: Trịnh Thị Gia đình có 06 chị em, bị cáo là con thứ tư; chưa có vợ, con.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 12/02/2020 đến nay, có mặt tại phiên toà.

2- **Hà Văn T** - Sinh năm 1980;

Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú: Thôn Q xã C, huyện T, tỉnh Thanh Hoá;

Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hoá: lớp 9/12;

Dân tộc: Thái; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không;

Tiền án, Tiền sự: Không;

Tiền sự: Ngày 17/7/2017, Tuyên bị Tòa án nhân dân huyện Thường Xuân quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc, thời hạn 24 tháng .

Ngày 03/6/2019, Tuyên chấp hành xong Quyết định.

Con ông: Hà Minh T (đã chết) và bà: Hà Thị M; Gia đình có 04 chị em, bị cáo là con thứ 2; vợ: Lê Thị P (đã ly hôn), có 01 con.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 02 tháng 3 năm 2020 cho đến nay, có mặt tại phiên toà.

- Bị hại: Ông Lê Thanh L - Sinh năm 1962.

Trú tại: Khu 6, thị trấn S, huyện X - tỉnh Thanh Hoá

Có mặt tại phiên toà.

- Người bào chữa cho bị cáo Hà Văn T : Ông Trịnh Đình H - Trợ giúp viên pháp lý - Chi nhánh pháp lý số 6, thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Thanh Hóa.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 15 giờ ngày 06/02/2020, ông Lê Thanh L , sinh năm 1962 phát hiện kẻ gian đã đột nhập vào cửa hàng tạp hóa của gia đình tại khu 6, thị trấn S lấy trộm 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6 plus, màu vàng trắng, có ốp lưng màu đen. Ông L đã báo cáo Công an thị trấn S và nộp kèm theo một đĩa CD trích xuất hình ảnh từ camera an ninh của gia đình và gia đình anh Hắc Ngọc M gần nhà ông L . Đến ngày 12/02/2020, Lê Ngọc L sinh năm 1981, trú tại thôn K, thị trấn S, huyện X, tỉnh Thanh Hóa đến Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Thọ Xuân xin đầu thú về hành vi phạm tội của mình và giao nộp chiếc điện thoại đã trộm cắp, đồng thời xác nhận hình ảnh người ngồi sau xe máy đi vào quán tạp hóa là Lâm.

Đến ngày 02/3/2020, Hà Văn T đã đến Công an xã C, huyện Thường Xuân xin đầu thú về hành vi cùng Lâm trộm cắp ngày 06/02/2020 tại khu 6, thị trấn S. Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Thọ Xuân đã tiến hành cho Lê Ngọc L nhận dạng Hà Văn T qua ảnh, kết quả L xác nhận Hà Văn T chính là người đã thực hiện hành vi phạm tội cùng với Lâm. Hà Văn T đã xem lại hình ảnh đoạn video trích xuất từ camera ghi hình ông L giao nộp và xác nhận người điều khiển xe máy trong đoạn video là T .

Tại Cơ quan điều tra L và T khai nhận: Vào khoảng 14 giờ ngày 06/02/2020, Hà Văn T mượn xe máy nhãn hiệu Yamaha Sirius màu vàng đen, biển kiểm soát 36M1-003.73 của anh Hà Văn D (xe Dững mượn của bố là Hà Văn L) đi đến thị trấn S. Khi đi đến cổng làng thôn K thị trấn S T gặp Lê Ngọc hai người gặp nhau nói chuyện rồi rủ nhau vào trong làng chơi. Đến khoảng 15 giờ cùng ngày, L đưa cho T 50.000đ (Năm mươi nghìn đồng) để đi mua nước uống. T điều khiển xe máy đến quán tạp hóa nhà ông Lê Thanh L ở khu 6, thị trấn S, T vào quán và gặp bà Lê Thị L vợ ông L hỏi mua chai nước. Trong khi bà L đang lấy hàng, T nhìn thấy có 01 chiếc điện thoại đang cắm sạc ở

kệ bán hàng gần cửa nên hỏi bà L cắm sạc điện thoại nhờ. Bà L đồng ý, T rút chân sạc ra cắm thử nhưng không vừa. T cắm lại sạc điện thoại cho bà L, bà L đưa thuốc và nước ra, T thanh toán tiền và đi về. Khi vừa lên xe máy thì bà L nói "Không lấy điện thoại à cháu", T không trả lời lại mà lấy xe máy đi về chỗ L. Khi gặp L, T nói "Ở quán tạp hóa có cái điện thoại đang cắm sạc mi có lấy không tau chỉ cho", L đồng ý. L và T đi xe máy đến chỗ quán nhà ông Lê Thanh L, T điều khiển xe dừng lại cách cửa quán một đoạn khoảng 10 mét, chỉ chỗ để điện thoại cho L và nói " bà chủ có hỏi thì bảo điện thoại của cháu cắm sạc nhờ". Sau khi nói xong, T điều khiển xe đi một đoạn nữa rồi dừng lại, L đi bộ vào quán nhà ông Lê Thanh L. Vào đến quán, L quan sát thấy bà L đang ngồi quay lưng về hướng L đi đến nên đã đi vào kệ bán hàng, dùng hai tay rút chiếc điện thoại ra khỏi dây sạc, bỏ vào người và đi về nơi T đang đứng chờ. Lúc này, tại cửa hàng có anh Trần Anh T, sinh năm 1986, trú tại thị trấn V nhìn thấy có tay người rút điện thoại khỏi sạc nên đã nói với bà L "điện thoại của Cô đang sạc hay của ai vậy", bà L đứng dậy nhìn về hướng L đang đi và hỏi " Sao lại lấy điện thoại của Cô. L trả lời " Điện thoại của cháu sạc nhờ", rồi đi lại chỗ T đang chờ sẵn. T hỏi lấy được chưa nhưng bảo đi nên T chờ L đi. Bà L vào nhà lấy điện thoại gọi vào số máy của ông Lê Thanh L, điện thoại vẫn có chuông nhưng không ai nghe máy nên nghĩ ông L đang đi xe máy. T chờ L đến khu sinh thái tre luồng ông T tại thôn Xuân Tân, xã B thì dừng lại. T hỏi xem điện thoại nhưng L không cho, T đòi L phải đưa 500.000đ coi như tiền chia đã cùng nhau lấy điện thoại nhưng L chỉ đưa cho T 150.000đ và hẹn T khi nào bán được điện thoại sẽ đưa thêm. T cầm tiền và đi xe máy về trả cho anh D. L đi tìm quán bán điện thoại nhưng không bán được. Số tiền trên T đã tiêu xài cá nhân hết.

Ngày 12/02/2020, Cơ quan điều tra ra Yêu cầu định giá số 08 yêu cầu định giá đối với chiếc điện thoại trên. Tại Kết luận định giá số 04 ngày 14/02/2020, Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự huyện Thọ Xuân kết luận: giá trị 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6Plus màu vàng trắng, số Imei 358352062881837, đã qua sử dụng là 3.179.000đ (Ba triệu một trăm bảy mươi chín nghìn đồng).

* Về vật chứng của vụ án:

- 01 đĩa CD DISC màu vàng, có ghi các dòng chữ maxell. MQ: CD-R80MQ đi kèm theo hồ sơ vụ án;

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6Plus màu vàng trắng, số Imei 358352062881837, đã qua sử dụng Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Thọ Xuân đã trả lại cho Ông Lê Thanh L ngày 18/02/2020.

* Về phần bồi thường dân sự: Ông Lê Thanh L đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu, đề nghị gì thêm.

Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên toà vẫn giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo: Lê Ngọc L và Hà Văn T phạm tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 BLHS và đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 38; Điều 58 BLHS để xử phạt: Lê Ngọc L từ 06 tháng đến 09 tháng tù và đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 38; Điều 58 BLHS để xử phạt: Hà Văn T từ 08 tháng đến 12 tháng tù, Đề nghị truy thu số tiền của bị cáo Tuyên do phạm tội mà có.

Tại phiên tòa trợ giúp viên pháp lý đề nghị Hội đồng xét xử xem xét các bị cáo lần đầu phạm tội và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, các bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên đề nghị áp dụng: khoản 1 Điều 173; điểm i, h, s khoản 1, 2 Điều 51; Khoản 1 Điều 38; Điều 58 BLHS để phạt án nhẹ nhất đối với bị cáo. Đề nghị truy thu và tịch thu số tiền của bị cáo T do phạm tội mà có. Không áp dụng phạt bổ sung và không buộc bị cáo chịu án phí vì thuộc đối tượng "Cận nghèo".

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa; Trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của kiểm sát viên, của các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

NHÂN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên: Trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự; Không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tội danh và điều luật áp dụng: Tại phiên tòa hôm nay các bị cáo Lê Ngọc L và Hà Văn T thành khẩn nhận tội. Căn cứ vào lời khai của các bị cáo, lời khai của người bị hại và tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử kết luận: Bị cáo Lê Ngọc L và Hà Văn T phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 BLHS là đúng người, đúng tội.

[3] Xét về tính chất và mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội của các bị cáo: Hội đồng xét xử thấy rằng: Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, bị cáo Lê Ngọc L và Hà Văn T đã cố ý thực hiện phạm tội. Lợi dụng sơ hở của người bị hại, các bị cáo đã lén lút lấy chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6Plus màu vàng trắng, số Imei 358352062881837 trị giá 3.179.000đ. Sau khi trộm cắp được đã mang đi bán mục đích để lấy tiền tiêu sài. Hành vi phạm tội của các bị cáo đã làm ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương, gây tâm lý bất bình trong quần chúng nhân dân. Vì vậy phải xử phạt nghiêm để cải tạo, giáo dục các bị cáo thành người tốt và răn đe phòng ngừa tội phạm chung trong xã hội.

[4] Xét vai trò của các bị cáo: Hội đồng xét xử thấy rằng: Trong vụ án này có 02 bị cáo phạm tội nhưng không thuộc trường hợp có tổ chức vì các bị cáo không có sự cấu kết chặt chẽ, không bàn bạc từ trước; vai trò, tính chất phạm tội tương đương nhau;

Bị cáo Lê Ngọc L phải chịu trách nhiệm hình sự cao nhất vì bị cáo là người trực tiếp thực hiện hành vi trộm cắp tài sản, sau khi phạm tội đã chiếm giữ điện thoại với mục đích được hưởng lợi nhiều hơn, nên mức độ nguy hiểm cho xã hội cao hơn bị cáo Tuyên.

Đối với bị cáo Hà Văn Tuyên được xếp vị trí thứ 2 sau bị cáo L . Bị cáo là người khởi xướng và lai bị cáo L đi tẩu thoát, cùng thực hiện hành vi trộm cắp tài sản, cùng đưa đi tiêu thụ và đã được hưởng lợi 150.000đ.

[5] Xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ và hướng xử lý: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng. Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay, các bị cáo đều khai báo thành khẩn, cả hai bị cáo đều phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 BLHS; các bị cáo sau khi phạm tội đã ra đầu thú nên được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ được quy định tại khoản 2 Điều 51 BLHS. Do bị cáo L không được hưởng lợi gì nên chỉ áp dụng hình phạt ngang bằng với bị cáo T .

Xét thấy trong thời gian gần đây, tình hình tội phạm trộm cắp tài sản xảy ra nhiều trên địa bàn huyện Thọ Xuân, gây tâm lý bất an trong xã hội. Các bị cáo đều có nhân thân xấu, cụ thể:

Đối với bị cáo L : Ngày 20/10/2015, L bị Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Thọ Xuân khởi tố bị can về hành vi Hiếp dâm theo Quyết định khởi tố bị can số 88. Ngày 10/12/2015, Viện kiểm sát nhân dân huyện Thọ Xuân ra Quyết định đình chỉ vụ án, bị can số 01, với lý do bị hại rút đơn yêu cầu. Ngày 17/12/2015, Lâm bị Công an huyện Thọ Xuân xử phạt hành chính về hành vi Xúc phạm danh dự nhân phẩm của người khác.

Đối với bị cáo T; Bị cáo đã có 01 tiền sự: Ngày 17/7/2017, T bị Tòa án nhân dân huyện Thường Xuân quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc, thời hạn 24 tháng .

Vì vậy phải xử phạt thật nghiêm đối với các bị cáo, bắt cả hai bị cáo cách ly xã hội một thời gian để cải tạo giáo dục bị cáo trở thành người tốt và răn đe phòng ngừa tội phạm chung trong xã hội.

Các bị cáo đều không có việc làm ổn định, bị cáo T thuộc diện hộ cận nghèo nên không áp dụng hình phạt bổ sung.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Cơ quan điều tra đã thu chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6Plus màu vàng trắng, số Imei 358352062881837 trị giá 3.179.000đ; sau khi định giá đã trả lại cho người bị hại là đúng quy định của pháp luật.

Hà Văn T được hưởng lợi 150.000đ nên phải truy thu để sung vào ngân sách nhà nước.

[7] Về án phí: Bị cáo Lê Ngọc L và Hà Văn T phải nộp tiền án phí HSST theo quy định của pháp luật.

Vì những lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

- **Tuyên bố:** Bị cáo Lê Ngọc L và Hà Văn T phạm tội “Trộm cắp tài sản”;

- **Áp dụng:** Khoản 1 Điều 173 BLHS; các điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 58 BLHS;

- **Xử phạt:**

1. Lê Ngọc L 6 tháng tù, hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam (từ ngày 12/02/2020).

2. Hà Văn T 6 tháng tù, hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam (từ ngày 02/3/2020).

- **Về trách nhiệm dân sự:** Căn cứ Điểm b khoản 1 Điều 47 BLHS và Điểm b khoản 2 Điều 106 BLTTHS;

Truy thu đối với bị cáo Hà Văn T số tiền 150.000đ (một trăm năm mươi nghìn đồng) sung vào ngân sách nhà nước.

- **Về án phí:** Căn cứ khoản 2 Điều 136 BLTTHS; Điều 23 Nghị quyết số: 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội; buộc các bị cáo Lê Ngọc L và Hà Văn T, mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ án phí HSST.

Các bị cáo, Người bị hại được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, tính từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND;
- THA dân sự;
- Phòng giám đốc án;
- Công an;
- Các bị cáo;
- Lu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Lê Đăng Tuấn